



Original Article

Smuggling under the Current Vietnamese
Criminal Code and Several Solutions
for the Law Reform and Law Enforcement

Nguyen Van Khoat*

Hanoi Procuratorate University. Duong Noi, Ha Dong, Hanoi, Vietnam

Received 12 October 2023

Revised 24 November 2023; Accepted 17 December 2023

Abstract: The provisions on smuggling in the Criminal Code 2015 (amended in 2017) have been improved to be more suitable for the country's socio-economic situation, associated with the globalization as well as deep engagement of regional and global economy and trade. It has better met the requirements of the prevention of smuggling in current time. However, obstacles and limitations have been shown when applying provisions on smuggling in practice. In this article, the author clarifies several matters on smuggling crime prescribed in the Criminal Code for the law reform and ensuring the correct application of criminal law provisions on this crime.

Keywords: Criminal Code, smuggling, corporate legal entities.

* Corresponding author.

E-mail address: xuankhoat208@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4602>

Tội buôn lậu theo Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành và một số giải pháp hoàn thiện pháp luật, bảo đảm áp dụng

Nguyễn Văn Khoát*

Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 12 tháng 10 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 24 tháng 11 năm 2023; Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 12 năm 2023

Tóm tắt: Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là BLHS năm 2015) đã hoàn thiện quy định về tội buôn lậu theo hướng phù hợp hơn với tình hình kinh tế - xã hội của đất nước gắn với thời kỳ toàn cầu hóa và hội nhập sâu, rộng của kinh tế, thương mại khu vực và thế giới. Điều này đáp ứng tốt hơn yêu cầu của công cuộc đấu tranh phòng, chống đối với loại tội phạm này trong giai đoạn hiện nay. Tuy vậy, quá trình áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về tội buôn lậu vẫn phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, bất cập. Trong bài viết này, tác giả làm rõ một số vấn đề liên quan đến tội buôn lậu quy định trong BLHS năm 2015, qua đó, đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng đúng quy định về loại tội phạm này trong thực tiễn.

Từ khóa: Bộ luật Hình sự, tội buôn lậu, pháp nhân thương mại.

1. Mở đầu

Qua hơn ba mươi năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng kém phát triển, quan liêu bao cấp, dần trở thành nước đang phát triển. Cùng với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng đã tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, đời sống của người dân ngày càng được nâng cao. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, xuất phát từ sơ hở, thiếu sót của Nhà nước trong hoạt động quản lý kinh tế cũng như cơ chế kinh tế mở cửa hội nhập đã tạo điều kiện nảy sinh và phát triển cho nhiều tệ nạn xã hội và tội phạm, trong đó có tội buôn lậu và những hành vi gian lận thương mại, gây thiệt hại trực tiếp đến nền kinh tế đất nước. Thực tiễn cho thấy, tội phạm buôn lậu ngày càng tinh vi, xảo quyệt, người phạm tội thường xuyên thay đổi phương thức, thủ đoạn phạm tội, đặc biệt là sử dụng công nghệ

cao nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng. Mặt khác, những quy định hiện hành vẫn còn vướng mắc, bất cập, chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu thực tiễn trong việc áp dụng pháp luật hình sự.

Xuất phát từ thực tiễn và những yêu cầu nêu trên, tác giả phân tích, đánh giá những khó khăn, vướng mắc trong quy định pháp luật hình sự về tội buôn lậu và đề xuất các giải pháp hoàn thiện nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh, phòng, chống loại tội phạm này ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, đặc biệt khi Việt Nam đã nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện đối với hàng loạt những nền kinh tế hàng đầu thế giới.

2. Quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội buôn lậu

Căn cứ vào quy định về tội buôn lậu tại Điều 188 BLHS năm 2015 và các quy định pháp luật

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: xuankhoat208@gmail.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4526>

có liên quan, có thể xác định các dấu hiệu pháp lý hình sự đặc trưng của tội buôn lậu theo Luật Hình sự Việt Nam hiện hành như sau:

Một là, về khách thể của tội buôn lậu

Trước đây theo quy định tại Điều 97 BLHS năm 1985, tội buôn lậu được quy định trong mục B, Chương II “*Các tội xâm phạm an ninh quốc gia*”, tuy nhiên đến BLHS năm 1999, tội buôn lậu quy định tại (Chương XVI) và hiện nay là BLHS năm 2015, tội buôn lậu được quy định tại Chương XVIII “*Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*”, điều này thể hiện quan điểm đúng đắn của các nhà lập pháp hình sự, phản ánh đúng được bản chất kinh tế của hành vi buôn lậu. Theo đó, mục đích mà người phạm tội muốn đạt được chỉ đơn thuần là mục đích kinh tế chứ không phải là xâm hại an ninh quốc gia như trước kia quy định. Tuy vậy, với việc buôn bán qua biên giới trái pháp luật thì khách thể xâm hại của tội buôn lậu không phải là toàn bộ trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước mà là xâm hại tới hoạt động quản lý kinh tế của Nhà nước về xuất, nhập khẩu.

Theo quy định tại Điều 188 BLHS năm 2015, đối tượng của hành vi buôn lậu rất đa dạng, bao gồm các loại hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật, vật phẩm là bảo vật quốc gia [1]. Cụ thể như sau:

- *Hàng hóa*: Là tài sản có thể trao đổi, mua, bán trên thị trường¹. Hàng hóa có hai thuộc tính là giá trị và giá trị sử dụng. Trên thực tế, hàng hóa có thể là hàng tiêu dùng cần thiết cho đời sống hằng ngày của con người hoặc những tư liệu sản xuất. Như vậy, hàng hóa với tư cách là đối tượng của tội buôn lậu là một khái niệm có nội hàm rất rộng, bao gồm tất cả các sản phẩm, chỉ trừ một số loại hàng hóa do tính chất đặc biệt đã được quy định là đối tượng của các tội phạm khác như: Các chất ma túy, vũ khí quân dụng và phương tiện kỹ thuật, vũ khí thô sơ và công cụ hỗ trợ, chất phóng xạ,...

- *Tiền Việt Nam*: Đồng tiền trong tội buôn lậu không thực hiện chức năng trao đổi hay thanh toán thông thường mà nó được coi là hàng hóa, là đối tượng của hành vi mua, bán. Tiền là đối tượng của tội buôn lậu phải là tiền Việt Nam hiện hành (do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành). Các đồng tiền Việt Nam đang lưu hành hiện nay là tiền giấy và tiền kim loại.

- *Ngoại tệ*: Ngoại tệ được hiểu là tiền nước ngoài, không phải là đồng tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành. Có thể hiểu ngoại tệ là các loại tiền do nước ngoài phát hành bao gồm: Tiền giấy, tiền bằng kim loại còn hiệu lực lưu hành.

- *Kim khí quý*: Là các loại kim khí thuộc loại quý hiếm dạng tự nhiên hoặc các chế phẩm làm từ kim khí quý theo danh mục do Nhà nước Việt Nam ban hành. Kim khí quý bao gồm vàng, bạc, bạch kim và các loại kim loại quý khác².

- *Đá quý*: Là các loại đá tự nhiên và các loại thành phần từ đá quý theo danh mục Nhà nước Việt Nam ban hành. Đá quý bao gồm kim cương (hạt xoàn), ruby (hồng ngọc), emerot (lục bảo ngọc), saphia (ngọc bích), ngọc trai (trân châu) và các loại đá quý khác³.

- *Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia*: Theo quy định tại Điều 4 Luật Di sản văn hoá (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia được hiểu như sau: Di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học; Cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hoá, khoa học, có từ một trăm năm tuổi trở lên; Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị đặc biệt quý hiếm tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hoá, khoa học. Đối với bảo vật quốc gia, Luật Di sản văn hoá (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có quy định các tiêu chí cụ thể.

Hai là, mặt khách quan của tội buôn lậu

- Hành vi khách quan:

¹ Quốc hội (2023), *Luật giá năm 2023*, khoản 1 Điều 4.

² Ngân hàng Nhà nước (2014), *Thông tư số 17/2014/TT-NHNN quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý*, khoản 1 Điều 3.

³ Ngân hàng Nhà nước (2014), *Thông tư số 17/2014/TT-NHNN quy định về phân loại, đóng gói, giao nhận kim khí quý, đá quý*, khoản 2 Điều 3.

Căn cứ quy định tại Điều 188 BLHS năm 2015, mặt khách quan của tội buôn lậu được thể hiện ở hành vi buôn bán trái pháp luật hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại [2].

Hành vi buôn bán trái pháp luật qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại nêu trên của người, pháp nhân thương mại là hành vi vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ, vật phẩm qua biên giới hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái pháp luật của Nhà nước về xuất - nhập khẩu hàng hóa qua biên giới. Hành vi này có thể được thực hiện bằng đường bộ, đường thủy, đường hàng không hoặc đường bưu điện. Cụ thể như sau:

Hành vi không khai báo thể hiện khi người hoặc pháp nhân thương mại buôn bán không thực hiện nghĩa vụ khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về chủng loại, số lượng, thông tin hàng hóa theo quy định. Hành vi không khai báo thể hiện bằng cách từ chối khai báo một cách trực tiếp hoặc gián tiếp bằng việc không chấp nhận ghi đầy đủ thông tin vào tờ khai hải quan theo yêu cầu.

Hành vi khai báo gian dối thể hiện khi người hoặc pháp nhân thương mại buôn bán, mặc dù đã khai báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nhưng thông tin khai báo không chính xác về số lượng, chủng loại hàng hóa hoặc giả mạo thông tin về tình trạng của hàng hóa, nhằm mục đích đánh lừa các cơ quan chức năng.

Hành vi giả mạo giấy tờ thể hiện khi người hoặc pháp nhân thương mại buôn bán xuất trình giấy tờ, tuy nhiên, đó là giấy tờ giả mạo, sửa chữa hoặc giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, nhưng đã được đặt được một cách gian dối hoặc sử dụng một cách không đúng với mục đích mà giấy tờ đó được cấp.

Không có giấy tờ hợp lệ được hiểu là khi không có giấy phép xuất nhập khẩu và các giấy tờ cần thiết khác theo quy định. Hoặc có giấy phép xuất nhập khẩu nhưng không đúng hạn ngạch hoặc giấy phép xuất nhập khẩu và các giấy tờ cần thiết khác nhưng không tương ứng với

hàng hóa hoặc mặc dù có xuất trình giấy phép hợp lệ nhưng giấy phép đó không được cấp bởi người có thẩm quyền hoặc giấy phép bị giả mạo.

Hành vi trốn tránh sự kiểm soát của Hải quan hay các cơ quan quản lý cửa khẩu thể hiện khi người hoặc pháp nhân buôn bán lợi dụng các tuyến đường khác đi qua biên giới mà không đi qua các trạm kiểm soát chính hoặc lợi dụng các sơ hở của các cơ quan phòng, chống buôn lậu để vận chuyển hàng hóa qua biên giới.

Cần lưu ý rằng, đối với cá nhân thì hành vi buôn bán trái pháp luật được mô tả trên đây chỉ bị coi là tội phạm khi hàng hoá, tiền Việt Nam, kim khí quý, đá quý có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên hoặc dưới mức đó nhưng thuộc một trong các hành vi được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 188. Còn đối với pháp nhân thương mại thì hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý phải có trị giá khi trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; trị giá dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 188.

- Các dấu hiệu khách quan khác:

+ Về địa điểm phạm tội: Ngoài quy định “qua biên giới”, BLHS năm 2015 còn bổ sung quy định buôn bán, vận chuyển hàng hóa trái phép “từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại” là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội buôn lậu. Như vậy, địa điểm “biên giới”, “khu phi thuế quan” khi thực hiện hành vi buôn bán hàng, hóa tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý, bảo vật quốc gia trái phép là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội buôn lậu. Theo đó, bên cạnh hành vi khách quan của tội buôn lậu, một dấu hiệu khách quan khác có tính chất bắt buộc của cấu thành tội phạm này đó là địa điểm thực hiện tội phạm, nếu thiếu dấu hiệu này thì hành vi buôn bán trái phép hàng hoá, tiền tệ, kim khí quý, đá quý cũng không cấu thành tội buôn lậu. Nếu người phạm tội thực hiện hành vi buôn bán trái phép hàng hóa, tiền tệ, vật phẩm mà không qua biên giới hoặc không phải từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại thì không cấu thành tội buôn lậu mà tùy vào từng trường hợp hành vi

phạm tội đó cấu thành các tội khác theo quy định của BLHS.

Khái niệm “biên giới” ở đây không chỉ được quan niệm thông thường là đường giáp ranh giữa hai quốc gia mà còn được hiểu theo nghĩa rộng là hàng rào biên giới thuế quan, vùng kiểm soát của Bộ đội Biên phòng, an ninh cửa khẩu, vùng kiểm tra của Hải quan trên tất cả các tuyến đường (đường bộ, đường thuỷ, đường hàng không, đường xe lửa, đường bưu điện quốc tế) ở mọi khu vực (kể cả các khu chế xuất) [3]. “Khu vực phi thuế quan” được các nước lập ra tại các cửa khẩu nhằm mục đích phát triển kinh tế [3], do đó việc buôn bán trái phép hàng hoá, tiền tệ, kim khí quý, đá quý từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại là dấu hiệu bắt buộc được bổ sung trong quy định về tội buôn lậu của Điều 188, BLHS năm 2015.

Việc xác định “qua biên giới”, “từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại” không chỉ căn cứ vào việc xác định hàng hoá đó qua đường biên giới địa lý hay chưa để xác định hành vi buôn lậu mà còn căn cứ vào hàng rào kiểm soát hàng hoá qua biên giới của các cơ quan quản lý như: Hải quan sân bay, Hải quan các cửa khẩu khác, địa điểm của các cơ quan này có khi là những địa điểm nằm sâu trong lãnh thổ nước ta, nên hành vi buôn lậu vẫn xảy ra [4]. Chính vì vậy để xác định hàng hoá đó qua biên giới, qua khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại hay chưa phải căn cứ vào việc hàng hoá đó đã thoát khỏi sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xuất - nhập khẩu hàng hoá đó hay chưa? Hàng hoá có thể là hàng xuất khẩu hoặc hàng nhập khẩu nên cần phân biệt hai trường hợp:

Đối với hàng nhập khẩu: Chỉ khi nào người buôn lậu đưa hàng hoá qua biên giới quốc gia, qua khu phi thuế quan thì mới cấu thành tội buôn lậu. Trường hợp khi hàng hoá đó nhập vào nội địa mới bị phát hiện, nếu có đủ căn cứ chứng minh là hàng hoá đó nhập trái phép nhằm buôn bán kiếm lời thì cũng cấu thành tội buôn lậu. Nếu hàng hoá mới được đưa tập kết đến gần đường biên giới nhưng chưa vào nước ta thì không coi là tội phạm hoàn thành vì hàng nhập khẩu vẫn còn đang nằm ngoài sự kiểm soát của ta.

Đối với hàng xuất khẩu: Khi người phạm tội đưa hàng hoá qua khu vực kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và bị phát hiện thì coi là đủ dấu hiệu của hành vi đưa hàng hoá qua biên giới và bị coi là phạm tội buôn lậu. Trường hợp người phạm tội đó đưa hàng hoá trót lọt ra ngoài biên giới sau đó mới bị phát hiện thì cũng cấu thành tội phạm [5].

+ Về hậu quả: Mặc dù BLHS năm 2015 không quy định hậu quả là dấu hiệu bắt buộc của tội buôn lậu. Hậu quả tuy không có ý nghĩa quyết định trong việc định tội, song việc xác định hậu quả có ý nghĩa quan trọng trong việc giải quyết trách nhiệm hình sự và quyết định hình phạt đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Ba là, chủ thể của tội buôn lậu

Theo Luật Hình sự Việt Nam hiện hành, chủ thể của tội phạm bao gồm cá nhân và pháp nhân thương mại. Pháp luật hình sự quy định cụ thể về điều kiện của chủ thể tội phạm. Đối với tội buôn lậu, căn cứ vào quy định của BLHS hiện hành, thì chủ thể của tội phạm này gồm:

- Cá nhân: Là người đủ từ 16 tuổi trở lên và không trong tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự.

- Pháp nhân thương mại: Căn cứ vào Điều 75 và Điều 188 BLHS năm 2015 xác định, pháp nhân thương mại là chủ thể của tội buôn lậu khi thỏa mãn các điều kiện sau: 1) Có hành vi phạm tội của cá nhân cấu thành tội buôn lậu; 2) Hành vi phạm tội đó của cá nhân được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại, vì lợi ích của pháp nhân thương mại và có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại. Đây cũng là những dấu hiệu cực kỳ quan trọng để xác định pháp nhân thương mại phạm tội buôn lậu.

Bốn là, mặt chủ quan của tội buôn lậu

Hành vi buôn lậu được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, chủ thể thực hiện hành vi buôn lậu nhận thức rõ hành vi của mình nguy hiểm cho xã hội, bị pháp luật cấm và thấy trước được thiệt hại gây ra cho xã hội nhưng vẫn thực hiện hành vi đó. Đối với chủ thể phạm tội là pháp nhân thương mại thì khi xác định lỗi cần lưu ý rằng: Lỗi của pháp nhân thương mại phạm tội được đồng nhất

với lỗi của cá nhân đã thực hiện hành vi phạm tội nhân danh pháp nhân, vì lợi ích và có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận.

Động cơ, mục đích không phải là dấu hiệu bắt buộc của tội buôn lậu nhưng thực chất động cơ phạm tội là vụ lợi, mục đích là để buôn bán kiếm lời, trong đó, mục đích buôn bán kiếm lời là dấu hiệu cần thiết và là căn cứ để phân biệt tội buôn lậu với tội vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới (Điều 189).

Bộ luật Hình sự năm 2015 hiện hành đã quy định chủ thể của tội phạm không chỉ là cá nhân mà còn có pháp nhân thương mại. Tội buôn lậu là 01 trong 33 tội mà pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Cấu trúc của Điều 188 cũng tương tự như các điều luật về tội danh khác mà trong đó phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Theo đó, khoản 1 quy định dấu hiệu pháp lý và khung hình phạt cơ bản đối với cá nhân phạm tội; các khoản tiếp theo (khoản 2 tới khoản 4) quy định khung hình phạt đối với các trường hợp phạm tội tăng nặng và hình phạt bổ sung đối với cá nhân phạm tội (khoản 5); khoản 6 (khoản cuối cùng) có nội dung quy định về pháp nhân thương mại phạm tội và khung hình phạt chính và bổ sung được áp dụng.

Từ nội dung của điều luật cho thấy đường lối xử lý đối với tội buôn lậu theo quy định của BLHS hiện hành như sau:

Thứ nhất, đối với chủ thể phạm tội là cá nhân.

- Phạm tội buôn lậu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Phạm tội buôn lậu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 03 năm đến 07 năm.

- Phạm tội buôn lậu thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 thì bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

- Phạm tội buôn lậu thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm.

Ngoài các hình phạt chính nêu trên, cá nhân phạm tội còn có thể bị phạt bổ sung tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Thứ hai, đối với chủ thể phạm tội là pháp nhân thương mại

Xuất phát từ các yếu tố có tính chất đặc thù về mặt chủ thể và mục đích của hình phạt mà hình thức trách nhiệm hình sự áp dụng đối với pháp nhân thương mại có điểm khác với cá nhân. Điều 33 BLHS năm 2015 quy định hệ thống hình phạt áp dụng đối với pháp nhân thương mại, bao gồm ba hình phạt chính là: Phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn và ba hình phạt bổ sung là: Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định; cấm huy động vốn; phạt tiền nếu không phải là hình phạt chính.

Đối với tội buôn lậu, pháp nhân thương mại phạm vào tội này thì hình phạt được áp dụng như sau:

- Phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng: Thực hiện hành vi buôn lậu với hàng hóa, tiền Việt Nam, ngoại tệ, kim khí quý, đá quý trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng; hàng hóa trị giá dưới 200.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại điểm a khoản 6 Điều 188.

- Phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, h và i khoản 2, Điều 188.

- Phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng: Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 188.

- Phạt tiền từ 7.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm: Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4, Điều 188.

- Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn: Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79.

Ngoài ra, pháp nhân thương mại còn có thể bị hình phạt bổ sung: Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

3. Một số vấn đề đặt ra trong thực tiễn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự Việt Nam hiện hành về tội buôn lậu

Theo một đánh giá vào năm 2021, sau hơn 05 năm kể từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực, về cơ bản tội buôn lậu đã được các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng áp dụng tương đối chính xác, có hiệu quả, góp phần quan trọng vào công tác đấu tranh phòng, chống đối với loại tội phạm này [6]. Tuy nhiên, quá trình áp dụng vẫn còn một số trường hợp định tội danh chưa chính xác, chưa thống nhất về thời điểm hoàn thành của tội phạm và chưa xử lý hình sự bất kỳ một pháp nhân thương mại nào về tội buôn lậu. Cụ thể:

Một là, trong thực tiễn đã có những vụ Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt tội buôn lậu nhưng Tòa án cấp phúc thẩm hoặc quyết định của Tòa giám đốc thẩm tuyên với tội danh khác. Điển hình như vụ án xảy ra tại Công ty Cổ phần VN Pharma, Bản án số 306/2017/HSST ngày 25/8/2017 của TAND Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên các bị cáo phạm tội “Buôn lậu” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” [7]. Bản án phúc thẩm số 567/2017/HSPT ngày 30/10/2017 của Tòa cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh [8] đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số 306/2017/HSST ngày 25/8/2017 để chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh điều tra lại. Vụ án đã được xét xử sơ thẩm lần 2 và Bản án số 368/2019/HD-ST ngày 01/10/2019 [9], tuyên tất cả 12 bị cáo phạm tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh” theo khoản 4 điều 157 BLHS 1999.

Nghiên cứu vụ án trên thấy rằng, nguyên nhân dẫn tới việc không thống nhất trong việc

định tội danh (hoặc định tội danh sai) là xuất phát từ quy định và cách diễn giải, giải thích về thuật ngữ “hàng hóa” và “hàng giả”, “thuốc” và “thuốc giả” khi định tội danh tội buôn lậu hay Tội “Buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh”. Theo đó, hiện nay các quy định của pháp luật có liên quan đến cách hiểu, cách diễn giải thuật ngữ “hàng hóa” và “hàng giả”, “thuốc” và “Thuốc giả” đang tạo ra sự nhầm lẫn trong quá trình định tội danh. Cụ thể, nếu căn cứ vào khoản 7 Điều 3 Nghị định 98/2020/NĐ-CP quy định về hàng giả và Điều 2 Luật Dược 2016 quy định về thuốc giả thì cũng có thể coi “Hàng giả là hàng hóa”⁴, “Thuốc giả là thuốc”⁵ và điều này dẫn đến những nhận thức không đúng khi áp dụng pháp luật hình sự về các tội có liên quan đến hàng hóa, trong đó có tội buôn lậu.

Hai là, hiện nay trong thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật hình sự đối với tội buôn lậu, vẫn còn các quan điểm khác nhau về xác định thời điểm hoàn thành của loại tội phạm này. Theo đó, có quan điểm cho rằng thời điểm hoàn thành tội phạm này tính từ thời điểm đưa hàng, tiền qua biên giới một cách trái phép vào Việt Nam, đối với việc đưa hàng, tiền từ Việt Nam ra nước ngoài thì không nhất thiết tính từ thời điểm qua biên giới Việt Nam. Quan điểm khác lại cho rằng, chỉ cần có căn cứ rõ ràng xác định rằng người phạm tội đã thực hiện những hành vi cụ thể như: Khai báo gian dối, giả mạo giấy tờ, đang chờ hàng lậu qua biên giới... hướng tới việc đưa hàng hóa, tiền qua biên giới, hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc ngược lại trái phép là đã có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về tội buôn lậu ở giai đoạn tội phạm hoàn thành.

Ba là, BLHS năm 2015 đã quy định pháp nhân thương mại phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 33 tội danh, trong đó có tội buôn lậu. Tuy vậy, kể từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực đến nay, chưa một pháp nhân thương mại nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Qua nghiên cứu điển hình một số bản án hình sự phúc thẩm do Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên trong giai đoạn

⁴ Xem thêm: Khoản 7, Điều 3 Nghị định 98/2020/NĐ-CP quy định về hàng giả.

⁵ Xem thêm: Điều 2 Luật Dược năm 2016 quy định về thuốc giả.

2017 – 2022, có thể thấy rằng: Tòa án tuyên rất nhiều bị cáo là giám đốc doanh nghiệp, người điều hành doanh nghiệp, người được doanh nghiệp giao nhiệm vụ,... đã lợi dụng tư cách pháp nhân để thực hiện hành vi buôn lậu [10 - 12]. Tuy vậy, do hành vi phạm tội xảy ra trước khi BLHS năm 2015 có hiệu lực nên trong các bản án này không thấy đề cập đến việc truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại. Từ đây, tác giả bài viết cho rằng, thực trạng cá nhân phạm tội buôn lậu nhân danh pháp nhân, vì lợi ích của pháp nhân và có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại là tương đối phổ biến. Tuy nhiên, kể từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực đến nay vẫn chưa có một pháp nhân thương mại nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội buôn lậu. Thực tế này cũng phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong việc áp dụng quy định của BLHS năm 2015 về tội buôn lậu.

4. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng đúng quy định về tội buôn lậu

Từ các vấn đề mà thực tiễn áp dụng quy định về tội buôn lậu đặt ra như trên, tác giả bài viết đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật và bảo đảm áp dụng đúng quy định của BLHS về tội buôn lậu như sau:

Thứ nhất, về hoàn thiện pháp luật

Một là, cần rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật mà trong đó có các quy định mang tính định nghĩa, khái niệm về “hàng giả”, “thuốc giả”. Theo đó, cần sửa đổi khoản 33 và khoản 34 Điều 2 Luật Dược năm 2016 theo hướng không coi thuốc giả là thuốc; dược liệu giả là dược liệu. Theo đó, khoản 33, 34 Điều 2 Luật Dược năm 2016 được viết lại như sau: “Thuốc giả là thứ/những thứ...” (khoản 33); “Dược liệu giả là thứ/những thứ...” (khoản 34) [3].

Hai là, sửa đổi khoản quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân theo hướng không bổ sung dấu hiệu định tội áp dụng riêng biệt cho pháp nhân đối với 07 tội, trong đó bao gồm cả tội buôn lậu và ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân.

- Như đã đề cập, BLHS năm 2015 đã quy định 33 tội danh mà pháp nhân thương mại phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện hành vi phạm tội. Nghiên cứu 33 điều luật này thấy rằng, có 07/33 điều luật bổ sung các điều kiện cấu thành tội phạm đối với pháp nhân thương mại, trong đó có tội buôn lậu (Điều 188). Điều này đã tạo ra sự mâu thuẫn giữa 07 điều luật này với 26 điều luật còn lại (căn cứ vào dấu hiệu pháp lý quy định đối với cá nhân phạm tội), không bảo đảm sự thống nhất về mặt kỹ thuật lập pháp. Đồng thời, tạo ra sự không bình đẳng giữa hai chủ thể tội phạm, hai chủ thể chịu trách nhiệm hình sự là cá nhân và pháp nhân. Đối với tội buôn lậu quy định tại Điều 188, cá nhân thực hiện hành vi buôn lậu có trị giá từ 100 triệu đồng trở lên thì cá nhân đó phải chịu trách nhiệm hình sự nhưng pháp nhân thương mại thực hiện hành vi buôn lậu cũng mức giá trị này vẫn chưa phải chịu trách nhiệm hình sự. Đây cũng là vấn đề dẫn tới việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại trong một số trường hợp gặp khó khăn.

Vì vậy, để có sự nhất quán trong quy định của các điều luật của Phần các tội phạm về các tội danh mà pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự, BLHS năm 2015 cần sửa đổi theo hướng không bổ sung dấu hiệu định tội áp dụng riêng biệt cho pháp nhân như 07 tội nói trên mà chỉ nên quy định theo như cách quy định của 26 điều luật còn lại, trong đó bao gồm cả tội buôn lậu quy định tại Điều 188. Theo đó, cần thống nhất quy định tại khoản quy định về pháp nhân thương mại phạm tội như sau:

“Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại điều này, thì bị phạt như sau:

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 điều này thì bị phạt...”.

Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 của điều này thì bị phạt...”.

- Từ khi BLHS năm 2015 có hiệu lực đến nay, trong số các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành của các cơ quan có thẩm quyền, chỉ có 02 văn bản đề cập tới trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, nhưng rất hạn chế. Cụ thể: Điều h, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết

số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành BLHS 2015 có quy định: “Các quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại tại BLHS năm 2015 không áp dụng đối với những hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018”; tại Điều 3 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 hướng dẫn áp dụng Điều 324 của BLHS về Tội rửa tiền quy định: “Tội phạm nguồn... Hành vi phạm tội nguồn có thể do công dân Việt Nam, pháp nhân thương mại Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam thực hiện trong hoặc ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, cũng được coi là tội phạm nguồn đối với hành vi phạm tội thực hiện ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, do công dân nước ngoài, pháp nhân thương mại nước ngoài thực hiện mà theo quy định của BLHS Việt Nam, pháp luật của quốc gia, vùng lãnh thổ sở tại quy định là tội phạm”.

Có thể thấy rằng, công tác giải thích, hướng dẫn thi hành đối với chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội vẫn còn chậm, chưa có văn bản hướng dẫn thi hành riêng. Một vài văn bản có đề cập tới pháp nhân thương mại nhưng còn hạn chế và không giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong việc đưa chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội vào thực tiễn.

Do đó, các cơ quan có thẩm quyền cần tăng cường công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại phạm tội. Đây cũng là vấn đề cần thiết để việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội buôn lậu trong thời gian tới.

Ba là, cơ quan có thẩm quyền cần có hướng dẫn cụ thể về việc xác định thời điểm tội phạm hoàn thành đối với tội buôn lậu. Tác giả bài viết đồng quan điểm với một số nhà nghiên cứu cho rằng, chỉ cần có căn cứ rõ ràng xác định rằng người phạm tội đã thực hiện những hành vi cụ thể như: khai báo gian dối, giả mạo giấy tờ, đang chở hàng lậu qua biên giới trên biển... hướng tới việc đưa các đối tượng của hành vi qua biên giới, hoặc từ khu phi thuế quan vào nội địa hoặc

ngược lại trái phép là đã có thể truy cứu trách nhiệm hình sự về tội buôn lậu ở giai đoạn tội phạm hoàn thành.

Thứ hai, về bảo đảm áp dụng đúng quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội buôn lậu

Một là, nâng cao trình độ pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ của những người tiến hành tố tụng được phân công giải quyết các vụ án về tội buôn lậu.

Tội buôn lậu có sự phức tạp, đa dạng về thành phần đối tượng là chủ thể phạm tội và cùng với đó là sự tinh vi của các phương thức, thủ đoạn nên luôn gây ra rất nhiều khó khăn cho việc chứng minh tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội để áp dụng các quy phạm pháp luật hình sự vào xử lý. Tội buôn lậu và quá trình chứng minh, xử lý đối với loại tội phạm này cũng liên quan đến những hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ phức tạp của lĩnh vực kinh doanh, thương mại, thuế, xuất khẩu, nhập khẩu, hải quan,...

Do đó, để công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn lậu nói chung, việc áp dụng pháp luật hình sự trong khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với tội buôn lậu nói riêng bảo đảm đúng pháp luật, cần phải quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về trình độ pháp luật, chuyên môn, nghiệp vụ đấu tranh với tội phạm buôn lậu cho những người tiến hành tố tụng được phân công giải quyết các vụ án về tội này. Trong đó, cần lưu ý tập trung vào các chuyên đề: Kiến thức pháp luật trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại, đặc biệt là pháp luật về thủ tục Hải quan, xuất nhập khẩu...; trách nhiệm hình sự của pháp nhân, truy cứu trách nhiệm hình sự của pháp nhân nói chung, pháp nhân trong vụ án về tội buôn lậu nói riêng; chứng cứ điện tử và thu thập, khai thác, đánh giá, sử dụng chứng cứ điện tử trong điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, thương mại nói chung, tội buôn lậu nói riêng.

Hai là, tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng và giữa cơ quan tiến hành tố tụng với các cơ quan hữu quan khác trong hoạt động áp dụng pháp luật hình sự đối với tội buôn lậu. Trong đó, thiết nghĩ liên ngành tư pháp cần

phối hợp với các ngành hữu quan như Hải quan, Bộ đội Biên phòng, Quản lý thị trường ký kết các quy chế phối hợp liên ngành liên quan đến việc điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội buôn lậu.

Ba là, đẩy mạnh việc hợp tác, quan hệ phối hợp với các nước có chung đường biên giới, có hoạt động thương mại với nước ta; chú trọng phối hợp trong hoạt động đấu tranh, phòng chống tội phạm liên quan đến hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm, đặc biệt trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và trong hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự đối với tội phạm buôn lậu.

5. Kết luận

Buôn lậu là tội phạm có tính nguy hiểm cao, gây phương hại đến nền kinh tế của đất nước; xâm phạm đến chính sách quản lý về ngoại thương và an ninh biên giới của quốc gia. Bộ luật Hình sự năm 2015 có nhiều điểm mới, ưu việt hơn so với Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, qua thực tiễn áp dụng vẫn phát sinh những điểm bất cập cần phải tiếp tục nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện, đặc biệt khi Bộ luật Hình sự năm 2015 đã bổ sung thêm chủ thể của tội phạm là pháp nhân thương mại. Do đó, yêu cầu tiếp tục hoàn thiện pháp luật không những nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả đấu tranh, phòng, chống loại tội phạm này ở nước ta, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế khi Việt Nam đã nâng cấp quan hệ đối tác chiến lược toàn diện đối với hàng loạt những nền kinh tế hàng đầu thế giới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trường Đại học Luật Hà Nội (2021), Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam: Phần các tội phạm, quyển 1, NXB. Công an nhân dân, Hà Nội.
- [2] N. T. P. Hoa, P. A. Tuấn (đồng chủ biên), Bình luận khoa học những điểm mới của Bộ luật Hình sự năm 2015, NXB. Hồng Đức, tr. 199.
- [3] N. V. Hương, Hoàn thiện quy định của pháp luật về tội buôn lậu, tội sản xuất, buôn bán hàng giả, <https://www.lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210387> (accessed on 25th May, 2023).
- [4] N. Đ. Bình, Đấu tranh phòng, chống tội buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, Luận án tiến sĩ luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội, 2022, tr. 102.
- [5] L. N. Trường, Một số điểm mới của tội buôn lậu trong Bộ luật Hình sự năm 2015 và những vấn đề đặt ra khi triển khai thực hiện ở thành phố Hải phòng, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học, Tập 34, Số 4 2018, tr. 96-102.
- [6] N. Đ. Phú, Tội buôn lậu trên địa bàn miền Đông Nam Bộ Việt Nam hiện nay Tình hình, nguyên nhân và phòng ngừa, Luận án tiến sĩ luật học, Học viện Khoa học và xã hội, Hà Nội, 2021, tr. 94.
- [7] Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, Bản án số 306/2017/HSST, ngày 25/8/2017, TP. Hồ Chí Minh, 2020.
- [8] Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, Bản án số 567/2017/HSPT, ngày 30/10/2017, TP. Hồ Chí Minh, 2020.
- [9] Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, Bản án số 368/2019/HD-ST, ngày 01/10/2019, TP. Hồ Chí Minh, 2020.
- [10] Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, Bản án số 811/2019/HS-PT ngày 05/12/2019, TP. Hồ Chí Minh, 2019.
- [11] Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, Bản án số 293/2020/HS-PT, ngày 29/5/2020, TP. Hồ Chí Minh, 2020.
- [12] Tòa án nhân dân cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh, Bản án số 218/2020/HS-PT, ngày 14/5/2020, TP. Hồ Chí Minh, 2020.